

ĐỌC SÁCH

## VỀ CUỐN SỰ PHÁT TRIỂN NGHĨA TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT TỪ 1945 ĐẾN 2005 CỦA GS.TS LÊ QUANG THIÊM

PHẠM VĂN LAM\*

1.1. Ngữ nghĩa học nói chung và ngữ nghĩa học từ vựng nói riêng mặc dù “ngày càng quan trọng trong lý thuyết ngôn ngữ học” [3, 11] nhưng những thành quả nghiên cứu của nó quả thực còn khá khiêm tốn so với các khu vực nghiên cứu thuộc bình diện cấu trúc khác của ngôn ngữ học. Tình hình này vốn không chỉ đúng cho ngữ nghĩa học ở bình diện đồng đại mà còn đúng cho cả ngữ nghĩa học ở bình diện lịch đại. Việc cấu trúc luận hiện đại thế kỉ XX do chỗ chú trọng đến bình diện đồng đại mà “bỏ lơ” bình diện lịch đại đã giải thích và chứng minh điều này. Tuy vậy, trong lịch sử phát triển ngữ nghĩa học từ vựng theo hướng lịch đại của thế kỉ XX ở những thời điểm quan trọng có tính chất đầu mối “cũng đã kịp” trình làng những tác phẩm kinh điển, nặng chiều sâu lý thuyết và khả năng giải thích hiện thực. Năm 1931, Gustaf Stern đã cho ra mắt một tập đại thành tổng kết những kết quả nghiên cứu tiền cấu trúc luận của ngữ nghĩa học theo hướng lịch đại *Meaning and change of meaning* [6]; đến năm 1962, Stephen Ullmann cũng cho ra mắt *Semantics: An introduction to the science of meaning* [13], một công trình dù được thiết kế theo phong cách đồng đại song cũng đã kịp đưa ra được những tổng kết sâu rộng về các thành tựu của việc nghiên cứu ngữ nghĩa cấu trúc theo hướng lịch đại; đến năm 1990 và 1997, dưới ảnh hưởng sâu đậm của tri nhận luận, một trào lưu nghiên cứu có xu hướng trở lại tinh thần luận của tiền cấu trúc luận, Eve Sweetser và Dirk Geeraerts, một cách lần lượt, cũng đã cho ra đời *From etymology to pragmatics* [4] và *Diachronic prototype semantics* [5] để thử nghiệm nghiên cứu nghĩa theo định hướng lịch đại hậu cấu trúc luận (chức năng luận và tri nhận luận).

1.2. Trong Việt nghĩa học, việc nghiên cứu về từ vựng - ngữ nghĩa theo định hướng lịch đại và đồng đại động mới được chú ý, đẩy mạnh và được thực hiện một cách khá liền mạch, hệ thống và có tính chất bứt phá trong khoảng hơn mười năm trở lại đây. Những thành quả lớn, quan trọng của hướng nghiên cứu này được thể hiện ở *Lịch sử từ vựng tiếng Việt thời kì 1858 - 1945* của Lê Quang Thiêm [9], *Sự phát triển của từ vựng tiếng Việt nửa sau thế kỉ XX* [7] của Hà Quang Năng (cb), *Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt* của Vũ Đức Nghiệu [14], (...). Dù những công trình này hoặc là nghiên cứu, khảo sát theo định hướng lịch đại, lịch sử, hoặc là nghiên cứu, khảo sát theo định hướng đồng đại động, nhưng chúng vẫn nặng về mặt từ vựng nhiều hơn là mặt ngữ nghĩa. Việt ngữ học, do đó, vẫn thiếu vắng những công trình đi theo hướng nghiên cứu này song chú trọng xem xét vấn đề dưới khía cạnh ngữ nghĩa.

\* ThS, Viện Ngôn ngữ học.

1.3. Trong tình hình như vậy, năm 2015, tác giả Lê Quang Thiêm, tiếp nối mạch nghiên cứu của mình, đã cho ra đời công trình *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* (Nxb ĐHQGHN, 278 trang khổ 16x24), một công trình được xem “là công trình Việt ngữ học đầu tiên nghiên cứu toàn diện, hệ thống và sâu sắc nhất về sự phát triển nghĩa từ vựng trên quan điểm đồng đại, vận dụng phương pháp lịch sử so sánh, phương pháp phân tích cấu trúc - hệ thống, phương pháp phân tích thành tố và phương pháp nghiên cứu trường hợp trong tất cả các khâu khảo sát, thẩm định ngữ liệu, phân tích, đánh giá kết quả” (Hà Quang Năng trong *Lời giới thiệu*, tr.9).

2.1. Ngoài phần *Lời giới thiệu*, *Lời mở đầu* và *Tài liệu tham khảo*, cuốn sách *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* có bố cục 7 chương. Cụ thể là:

*Chương Một: Phạm vi nghiên cứu và nhân tố biến động.* Sau khi điếm qua các cách tiếp cận của ngữ nghĩa học (tiền cấu trúc và cấu trúc) đến sự biến đổi nghĩa từ vựng, tác giả đi sâu vào những vấn đề có tính chất tình hình, nguyên nhân liên quan đến sự phát triển của các “thực thể nghĩa từ vựng” và việc nghiên cứu chúng.

*Chương Hai: Giới thuyết các thực thể nghĩa từ vựng và cách tiếp cận.* Chương này trình bày một cách vắn tắt những vấn đề có tính chất cơ sở để tạo ra một khung lí thuyết riêng, khác với truyền thống, cho việc nghiên cứu sự phát triển của các thực thể nghĩa từ vựng tiếng Việt. Về cơ bản, những luận điểm lí thuyết chính trong *Ngữ nghĩa học* [9] đã được đề cập lại theo tinh thần tinh chỉnh, mở rộng, phát triển.

*Chương Ba: Sự phát triển vĩ mô: Trường tầng nghĩa thực tiễn* và *Chương Bốn: Sự phát triển vĩ mô: Trường tầng nghĩa trí tuệ* dành để miêu tả sự phát triển có tính khái quát của nghĩa từ vựng ở tầm vĩ mô thuộc hai trường tầng nghĩa thực tiễn và trường tầng nghĩa trí tuệ. Cách tiếp cận từ định hướng danh học đã được tác giả lựa chọn để giải quyết các nghiên cứu trường hợp có trong hai chương này.

*Chương Năm: Sự phát triển vi mô: Tầng nghĩa trí tuệ* và *Chương Sáu: Sự phát triển vi mô: Tầng nghĩa biểu trưng* đi sâu vào việc trình bày sự phát triển của nghĩa từ vựng theo hai chiều hướng trí tuệ hoá và biểu tượng hoá vốn có tính chất khái quát chung cho toàn bộ hệ thống từ vựng tiếng Việt.

*Chương Bảy: Nguyên nhân và tác dụng của sự phát triển nghĩa từ vựng* là chương khép lại công trình bằng cách trình bày ngắn gọn về nguyên nhân cũng như tác động của sự phát triển nghĩa từ vựng đối với xã hội - văn hóa, tri thức trong thời đại mới.

2.2. Nếu ai đó theo dõi một cách liên mạch các kết quả nghiên cứu của tác giả Lê Quang Thiêm thì sẽ dễ dàng nhận ra được rằng *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* là một sự phát triển có tính hệ thống,

tiếp nối liên tục theo một hướng nghiên cứu mới, riêng mà chính tác giả là người đã tự tìm tòi, thiết kế bộ khung lí thuyết làm việc. *Lịch sử từ vựng tiếng Việt thời kì 1858 - 1945* và *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* của tác giả Lê Quang Thiêm là những nghiên cứu miêu tả từ vựng tiếng Việt theo hướng lịch sử ở những thời đoạn cụ thể, tiếp nối nhau, bổ sung cho nhau để cùng tạo ra được một diện mạo biến đổi, phát triển của từ vựng tiếng Việt với hai điểm nhấn theo hai phong cách khác nhau. Tuy vậy, *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* vẫn có điểm khác với *Lịch sử từ vựng tiếng Việt thời kì 1858 - 1945* do chỗ nó đã được thiết kế dựa trên một bộ khung lí thuyết mới, độc đáo của chính tác giả đã được công bố ở *Ngữ nghĩa học* [9].

3. *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* vì được thực hiện dựa trên bộ khung lí thuyết của *Ngữ nghĩa học* [9], cho nên, nó cũng có những nét riêng, mới của mình. Có thể kể đến những điểm quan trọng sau<sup>1</sup>:

3.1. Lâu nay, ở bậc đại cương, khi đề cập đến ngữ nghĩa học theo hướng lịch đại, lịch sử, hoặc đồng đại động, người ta thường nói đến sự biến đổi đối với nghĩa, biến đổi nghĩa (change of meaning, sense change), phát triển đối với từ vựng, phát triển từ vựng. Nếu quán triệt được điều này, người đọc cũng sẽ thấy được rằng trong *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005*, tác giả Lê Quang Thiêm đã có sự điều chỉnh, đúng hơn là đã có sự thay đổi về nền tảng triết học chứ không phải là sự thay đổi thuần túy về mặt tên gọi thuật ngữ của mình đối với trạng thái vận động của các “tồn tại nghĩa từ vựng” trong tiếng Việt. Biến đổi thì có thể thật lùi, mất đi, cũng có thể đi lên, xuất hiện mới. Đối với tác giả Lê Quang Thiêm, trong sự phát triển nghĩa, những nghĩa đã có trong quá khứ, mà đôi khi chúng ta vẫn gán cho những tên gọi như “nghĩa cũ”, “từ cũ”,... không hề mất đi, mà vẫn được lưu giữ, bảo tàng trong hệ thống từ vựng - ngữ nghĩa của ngôn ngữ, chúng có thể được lấy ra, dùng lại ở bất kì một hoàn cảnh sử dụng nào khi điều kiện cho phép. Do đó, “Phát triển được hiểu là sự biến đổi hoặc làm cho biến đổi theo quy luật từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp” (tr. 22). Và như vậy, theo Lê Quang Thiêm, nói đến sự vận động của nghĩa là nói một cách cụ thể đến sự phát triển nghĩa chứ không phải nói đến sự biến đổi nghĩa một cách chung chung. Chính cách lựa chọn, đặt tên công trình là *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* đã nói lên điều này.

3.2. Theo như tác giả, “Nghĩa của từ, cũng như nghĩa của ngôn ngữ nói chung là một sản phẩm văn hóa tinh thần, tâm lí của con người. Nghĩa của từ về bản chất là một thực thể tinh thần. Nó là kết quả của sự phản ánh, ánh xạ,

<sup>1</sup> Có thể tham khảo đánh giá về những cái mới của *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* trong *Lời nói đầu* cuốn sách của tác giả Hà Quang Năng.

tri nhận thực tại được tích hợp lại trong nội dung kí hiệu từ. (...). Nội dung này là sự kí hiệu hoá, là việc sử dụng kí hiệu trong giao tiếp, tư duy; đồng thời nó là kết quả của sự biểu trưng hoá, cấu trúc hoá trong vốn từ ngữ cũng như trong đặc điểm của ngôn ngữ dân tộc xác định. (...). Nghĩa là thành tố cấu tạo ngôn ngữ, đồng thời là thành tố của văn hóa tinh thần mà việc nghiên cứu sự biến đổi phát triển nghĩa cũng phần nào cho thấy rõ nội dung văn hóa quan hệ với sự biến đổi phát triển đó" (tr. 27). "Sự thực hệ thống ngữ nghĩa là một hệ thống động, một hệ thống được hình thành nhờ *hoạt động chức năng* và bản thân các yếu tố trong hệ thống biến đổi hết sức năng động". "Nghĩa từ vựng là nội dung phản ánh, ánh xạ được kí hiệu hoá, mã hoá trong từ, là kết quả của hoạt động chức năng của từ" (tr. 61). Với cách đặt vấn đề như vậy, tác giả của *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* đã thực sự lấy tri nhận luận và chức năng luận làm điểm xuất phát cho nghiên cứu của mình, đã thực sự nhất quán với quan điểm được xem như là nền tảng của việc nghiên cứu ở trong *Ngữ nghĩa học* [9].

3.3. Quan niệm nghĩa là một thực thể tinh thần là một quan niệm quen thuộc trong ngôn ngữ học tiền cấu trúc và ngôn ngữ học hậu cấu trúc. Nhưng quan niệm này đã được tác giả Lê Quang Thiêm mở rộng, phát triển, ông xem nghĩa "như là một tồn tại", một tồn tại trong văn hóa tinh thần dân tộc. Chính vì xem nghĩa như là một tồn tại cho nên tác giả đã chủ động và triệt để đối lập giữa *danh học* (onomastics) và *ngữ nghĩa học từ vựng* (semasiology). Tác giả quan niệm, "nghĩa là một *thực thể tinh thần khách quan*, là đối tượng nghiên cứu, nhưng về bản chất lại là một sản phẩm tồn tại do *chủ quan con người nhận thức*, phản ánh, tổng hợp mà có thông qua sản phẩm là sự *mã hoá trong kí hiệu từ*" (tr. 187). Cho nên, danh học bắt đầu từ mặt nội dung được biểu hiện, do đó, bắt đầu từ cái "như là một tồn tại" để tìm hình thức biểu hiện; ngữ nghĩa học từ vựng bắt đầu từ mặt hình thức biểu hiện để đi tìm cái nội dung được biểu hiện, tức là đi tìm cái "thực thể tinh thần". Sự đối lập giữa danh học và ngữ nghĩa học từ vựng trong việc tiếp cận nghĩa từ trong ngôn ngữ học thế giới không phải là vấn đề mới, nhưng đối với Việt ngữ học thì nó thực sự là một cách đặt vấn đề mới, có giá trị cao về mặt thao tác. Đây là một điểm xuất phát, một cách tiếp cận có lí, hữu dụng, giúp chúng ta hình dung rõ ràng hơn mặt từ vựng, ở khía cạnh này, và mặt ngữ nghĩa, ở khía cạnh kia, của hệ thống nghĩa từ vựng tiếng Việt trong sự biến đổi có liên hệ chi phối lẫn nhau của một thực thể nghĩa - từ duy nhất<sup>2</sup>. Sự đối lập giữa danh học và ngữ nghĩa học từ vựng trong cách tiếp cận nghĩa từ là một đối lập thường thấy trong nghiên cứu ngữ nghĩa theo định hướng lịch đại, đặc biệt là sự nghiên cứu ngữ nghĩa học lịch đại theo định hướng tri nhận; tuy nhiên, đối lập này

<sup>2</sup> Có thể tham khảo thêm về cách tiếp cận này trong Stern 1931 và Geeraerts 1994, 1997 (...).

đường như lại không thực sự quen thuộc trong hệ thống thao tác làm việc của ngữ nghĩa học tiếng Việt. Chỉ có thể ý thức được sự đối lập như vậy nên mới có thể hiểu được những khác biệt trong việc tiếp cận và trình bày kết quả nghiên cứu của tác giả của *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* giữa các Chương Ba, Chương Bốn (những chương nói về sự phát triển vĩ mô) với các chương còn lại (những chương nói về sự phát triển vi mô). Nếu không, người ta dễ dàng có cảm tưởng như hai chương này, đặc biệt là Chương Ba, có vẻ "lạc" trong ngữ nghĩa học theo quan niệm của truyền thống.

3.4. Vấn đề thuật ngữ khoa học, khái niệm khoa học là một vấn đề không chỉ thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học trong từng chuyên ngành, mà còn là một trong những vấn đề trọng tâm của từ vựng học. Vì lẽ đó, đối với vấn đề nghĩa thuật ngữ, theo đó là vấn đề cấu tạo và thể hiện thuật ngữ để biểu hiện khái niệm/ kiểu nghĩa biểu niệm trong tầng nghĩa trí tuệ của thuật ngữ, đã được tác giả dành nhiều công sức để phân tích và đưa ra giải pháp mới. Tác giả viết: "Mặc dầu sự phát triển đa nghĩa từ vựng có tính quy luật, có tính tiết kiệm và có vai trò lớn trong phát triển ngôn ngữ văn hóa, ngôn ngữ phát triển, song liệu có chấp nhận tính đa nghĩa của thuật ngữ? *Câu trả lời khẳng định dứt khoát là không, không chấp nhận hiện tượng đa nghĩa trong nội dung thuật ngữ, thuật ngữ không có đa nghĩa*" (tr. 194). Và giải pháp của vấn đề là: "nên mạnh dạn *đồng âm hoá* để đơn khái niệm hoá thuật ngữ đa biến thể, đa nội dung giải thích trong từ điển" (tr. 204), "*thừa nhận thuật ngữ đồng âm thuộc các ngành, chuyên ngành chuyên môn*" (tr. 206). "Đơn vị thuật ngữ do hạn chế là hữu hạn về hình thức biểu đạt thì không có cách nào khác, để cho rõ nghĩa biểu niệm cần chấp nhận sự đồng âm hoá theo các kiểu loại khác nhau. Nếu như trong văn học phải chấp nhận *đa nghĩa ngữ văn* càng đa dạng, càng phong phú thì trong *khoa học phải triệt để đơn nghĩa hoá theo hình thái biểu đạt đồng âm*" (tr. 209). "Tóm lại, *giải pháp đồng âm hoá hoàn toàn, để đơn nghĩa biểu niệm các thuật ngữ hoặc đồng âm hoá bộ phận* đối với loại thuật ngữ có cấu tạo với thành tố chung *nhằm chuyển nội dung trong cấu trúc vi mô qua cấu trúc vĩ mô là giải pháp cần thiết*. Thực hiện giải pháp này không những *chuẩn hoá nhận thức về nội dung nghĩa thuật ngữ là nghĩa biểu niệm và đơn nghĩa trong hệ thống mà cả chuẩn hoá, nâng cao hiệu quả tri nhận cho người tiếp nhận tri thức qua từ điển*." (tr. 211). Có thể giải pháp mới này còn có chỗ cần bàn luận thêm, song xét về mặt hình thức và lí thuyết thì hoàn toàn có thể chấp nhận được mặc dù về mặt thao tác phân xuất nghĩa và thực tế sử dụng nghĩa thì việc triển khai và áp dụng nó một cách triệt để có thể gặp một số khó khăn.

3.5. Truyền thống ngữ nghĩa học khi đề cập tới sự biến đổi nghĩa thường chỉ nói đến các nguyên nhân, điều kiện và hệ quả của sự biến đổi nghĩa. Trong *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005*, tác giả Lê Quang Thiêm đã có thêm một bước tiến mới khi gắn hệ thống lí thuyết của mình về các tầng, kiểu và phổ nghĩa từ vựng vào việc lí giải sự phát triển của nghĩa

từ vựng tiếng Việt theo hai chiều hướng khái quát *tri tuệ hóa* và *biểu tượng hoá* cùng với bốn đặc trưng nội dung về *tính khái quát, tính loại biệt, tính chính xác, tính biểu tượng*. Tác giả cho rằng "nếu như đặc trưng *biểu tượng hoá* thể hiện tích hợp hàm lượng ngữ nghĩa - văn hóa ngôn từ sâu sắc thì đặc trưng *chính xác hoá* là sự thể hiện tích hợp hàm lượng ngữ nghĩa - văn minh *tri tuệ nhân loại*" (tr. 257). Đây là một suy luận, kết luận hữu lí, phản ánh được thực tế tinh thần luận của sự phát triển của nghĩa từ vựng.

3.6. Theo tác giả "*Sự sáng tạo từ ngữ, nội dung nghĩa của từ ngữ đối với người dùng, đối với ngôn ngữ dân tộc là một sự kiện văn hóa, một thành tố văn hóa tinh thần*" (tr. 245), "trong sự phát triển toàn diện của dân tộc trong thời đại mới, (...) có vị trí to lớn của văn hóa tinh thần dân tộc mà ngữ nghĩa, bộ phận thuộc văn hóa "tinh thần này có vị trí hàng đầu" (tr. 22). Cách đặt vấn đề như vậy là táo bạo, mới đối với cấu trúc luận của Việt ngữ học. Tuy nhiên, cách đặt vấn đề như vậy của tác giả hợp với nhiều nghiên cứu nổi tiếng đã có và đang xuất hiện, chẳng hạn như Carnoy (1927), Stern (1931) Sweetster (1990/ 1991) hay Geeraerts (1997),... (Thậm chí, Geeraerts còn đi xa hơn khi có ý định kéo chú giải học (hermeneutics) về với ngữ nghĩa học từ vựng (lexical semantics) [4, 178], và có xu hướng xem ngữ nghĩa học từ vựng (lexical semantics) có tư cách như là một *Geisterwissenschaft* (khoa học nhân văn) [4, 175-189]) để thuyết giải các hiện tượng xã hội vốn được mã hoá trong từ ngữ. Có thể nói, dù rằng trong toàn bộ *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* chúng ta không thấy tác giả công khai nói về điều này nhưng cách đặt vấn đề và lập luận như vậy rõ ràng là bóng dáng của cách tiếp cận tinh thần luận và xã hội học của ngữ nghĩa học tiền cấu trúc và ngữ nghĩa học hậu cấu trúc (ngữ nghĩa học tri nhận) đã được thể hiện rõ, và dường như đó chính là một phương châm ngầm định cách triển khai và trình bày kết quả nghiên cứu của tác giả. Chính vì lẽ đó mà ta thấy những yếu tố của ngôn ngữ học ngoại tại đã được tác giả tận dụng triệt để để lí giải cho được sự kiện phát triển nghĩa từ vựng của tiếng Việt từ năm 1945 đến năm 1975. Cũng cần phải nhấn mạnh thêm rằng hướng đi này của tác giả chính là hướng đi của tri nhận luận đang chiếm ưu thế hiện nay, dấu rằng hướng đi như vậy trong thời kì cấu trúc luận đã phải chịu chỉ trích từ rất nhiều phía, từ rất nhiều lí thuyết.

3.7. Có thể xem *Ngữ nghĩa học* [9] của tác giả Lê Quang Thiêm là một ý tưởng phác thảo mới, một xác lập mới về mặt lí thuyết trong cách vận dụng, kiến giải nghĩa đối với thực tế ngữ liệu tiếng Việt. Do đó, *Ngữ nghĩa học* vẫn cần phải "có thêm biện giải, chứng minh" [11, 80], cần được "hiện thực hoá trong phân tích miêu tả ngữ nghĩa của một ngôn ngữ cụ thể ở cả diện đồng đại cũng như lịch đại" [9, 190] như chính tác giả của nó yêu cầu. *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* đã thực sự là một phần của sự hiện thực hoá hệ thống quan điểm lí thuyết đó của chính tác giả bằng một minh chứng cụ thể dù nó chưa phải là một minh chứng lịch đại hiểu theo nghĩa chặt chẽ nhất, mà mới chỉ là một minh chứng có tính chất đồng đại đồng dành cho

một giai đoạn lịch sử có nhiều sự kiện như giai đoạn 1945 - 1975 của xã hội Việt Nam. Hơn thế nữa, ở *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* cũng đã có những điểm lí giải và phát triển thêm về mặt lí thuyết (chẳng hạn, tác giả đã đề xuất thêm các phạm trù, khái niệm *trường tầng nghĩa, trường định danh, giải pháp đồng âm hóa thuật ngữ*,...). Nếu người ta coi một lí thuyết khoa học là hệ thống các giả thiết và các chứng cứ, thực nghiệm, sự kiện,... để giải thích hiện thực, thì có thể xem rằng hệ thống quan điểm lí thuyết của tác giả Lê Quang Thiêm ở *Ngữ nghĩa học* [9] đã có thêm được một chứng cứ mới ở trong *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005*. Nếu xét ở khía cạnh chủ ý lập thuyết, đi theo đến cùng kiệt và chứng minh để hoàn thiện chính lí thuyết ấy thì người ta không thể không thừa nhận một sự thực rằng tác giả Lê Quang Thiêm đã có ý thức rất rõ ràng trong việc lập thuyết và chứng minh hoàn thiện lí thuyết của mình. Và lẽ dĩ nhiên, vì trọng tâm nghiên cứu của *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005*, như tác giả tự cho biết, “là bình diện lịch đại nên việc phân tích miêu tả đồng đại theo đầy đủ khung lí thuyết được hiện thực trong một công trình khác trên ngữ liệu tiếng Việt sẽ được công bố tiếp sau” (tr. 86), cho nên người ta có thể hi vọng và chờ đợi tác giả Lê Quang Thiêm công bố những công trình tiếp theo để hoàn thiện chính hệ thống quan điểm lí thuyết của mình “để bổ sung, điều chỉnh sâu sắc, có nhiều kết quả và thành tựu lớn hơn” (tr. 23).

4. “Mỗi cuốn sách đều có số phận của nó. *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* là cuốn sách có số phận vinh quang, đánh dấu bước phát triển dài về chất trong nghiên cứu ngữ nghĩa học từ vựng tiếng Việt, đặt nền móng cho bước tiếp cận đồng đại trong nghiên cứu ngữ nghĩa học từ vựng tiếng Việt” (Hà Quang Năng trong *Lời nói đầu*, tr. 15). Cho dù tác giả của nó có tự quan niệm công trình nghiên cứu của mình chỉ “như một bước thử nghiệm có tính chất khai phá” (tr. 23) đối với vương quốc ngữ nghĩa đầy gian nan, trở ngại, nhưng cũng đầy thách thức, hấp dẫn và kêu gọi, nhưng đó là một “thử nghiệm có kết quả, một sự khai phá mở đầu tốt đẹp” (tr. 23) như tác giả từng khiêm tốn hi vọng. Không chỉ thế, *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* thực sự là một minh chứng cho tính liền mạch và kế thừa, phát triển trong nghiên cứu khoa học, xét về mặt thực tiễn, minh chứng cho sự đi đến tận cùng trong việc đề xuất và phát triển lí luận, cách tiếp cận khoa học, xét về mặt lí thuyết. Khoa học không chỉ hay và mới ở cách giải quyết vấn đề thực tiễn mà còn hay và mới ở chỗ đặt vấn đề lí thuyết cho cách giải quyết. Với ba tác phẩm *Lịch sử từ vựng tiếng Việt thời kì 1858 - 1945* [8], *Ngữ nghĩa học* [9], *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 đến 2005* (2015), tác giả Lê Quang Thiêm đã làm được cả hai điều này, dù rằng đó chỉ là một sự mở đầu, vẫn cần minh chứng và phát triển tiếp.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brigitte Nerlich, *Semantic theories in Europe 1830 - 1930*, John benjamins publishing company, Amsterdam/ Philadelphia, 1992.
2. Đinh Văn Đức (Cb), Trần Trí Dồi, Vũ Đức Nghiệu, Nguyễn Văn Khang, Lê Quang Thiêm, Đinh Văn Đức, *Tiếng Việt lịch sử trước thế kỉ XX: những vấn đề quan yếu*, Nxb ĐHQGHN, H., 2015.
3. Dirk Geeraert, *Các lí thuyết ngữ nghĩa học từ vựng* (Phạm Văn Lam dịch), Nxb ĐHQGHN, H., 2015.
4. Dirk Geeraert, *Diachronic prototype semantics*, Clarendon Press, Oxford, 1997.
5. Eve Sweetster, *From etymology to pragmatics*, Cambridge University Press, New York, 1990/ 1991.
6. Gustaf Stern, *Meaning and change of meaning*, Indiana University Press, 1931.
7. Hà Quang Năng (Cb), Nguyễn Thuý Khanh, Nguyễn Thị Trung Thành, Chu Bích Thu, Vương Toàn, *Sự phát triển của từ vựng tiếng Việt nửa sau thế kỉ XX*, Nxb KHXH, H., 2009.
8. Lê Quang Thiêm, *Lịch sử từ vựng tiếng Việt thời kì 1858 - 1945*, Nxb KHXH, H., 2003.
9. Lê Quang Thiêm, *Ngữ nghĩa học*, Nxb GD, H., 2008.
10. Leo Sptizer, *Essays in historical semantics*, Russell& Russell, New York, 1948/ 1968.
11. Phạm Văn Lam, *Về cuốn "Các lí thuyết ngữ nghĩa học từ vựng" của Dirk Geeraert*, T/c Ngôn ngữ & đời sống số 8/2015.
12. Phạm Văn Lam, *Ngữ nghĩa học của GS.TS Lê Quang Thiêm*, T/c Ngôn ngữ, Số 8, 2008.
13. Stephen Ullmann, *Semantics: An introduction to the science of meaning*, Barners & Noble, INC., New York, 1962.
14. Vũ Đức Nghiệu, *Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt*, Nxb GD, H., 2011.